TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẠC LIÊU** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: **64**/2023/DS-ST
Ngày 15 – 6 – 2023
V/v "*tranh chấp thừa kế*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẠC LIÊU, TỈNH BẠC LIÊU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thị Tuyết Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Bà Bành Mỹ Tuyên

2- Ông Liên Á

-***Thư ký phiên tòa***: Bà Hoàng Thị Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Trần Mỹ Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 120/2023/TLST-DS ngày 03 tháng 4 năm 2023 về *"Tranh chấp thừa kế*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2023/QĐXX-ST ngày 11 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phùng Thị K, sinh năm 1967; địa chỉ: Số 5/64 đường R, khóm X, phường Y, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

2. Đồng bị đơn:

- Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1965; địa chỉ: Số 6/64 đường R, khóm X, phường Y, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

- Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1966; địa chỉ: Số 67/87 Hẻm 5, Hương lộ 6, khóm 10, phường 1, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà La Thị M, sinh năm 1965; địa chỉ: Số 6/64 đường R, khóm X, phường Y, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

- Chị Nguyễn Thị Bích T1, sinh năm 1990; địa chỉ: Số 6/64 đường R, khóm

X, phường Y, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

- Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1991; địa chỉ: Số 6/64 đường R, khóm X, phường Y, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

- Anh Trương Văn T2; địa chỉ: Số 6/64 đường R, khóm X, phường Y, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

(Bà K, bà L có mặt, ông T, bà M, anh T2, chị T1, anh H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn bà Phùng Thị K trình bày:*

Cụ Phùng Thị H, chết ngày 12/6/2020 có chồng là cụ Nguyễn Văn G, chết năm 1983. Cụ H và cụ G chung sống với nhau có 03 người con chung gồm: Ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị L và bà Phùng Thị K. Cụ H không còn người con riêng nào khác. Cha mẹ của Cụ H đã chết trước Cụ H nên hàng thừa kế của Cụ H gồm ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị L và bà Phùng Thị K.

Nguồn gốc quyền sử dụng đất hiện nay đang tranh chấp chia thừa kế là của cụ Trần Thị C (mẹ ruột của cụ Phùng Thị H), cụ C có chồng là cụ Phùng Văn N, cụ N và cụ C có 01 người con chung là cụ Phùng Thị H, cụ N chết năm 1965, cụ C chết năm 1994. Sau khi cụ C chết thì năm 1999 Cụ H kê khai, đứng tên trên sổ địa chính của Uỷ ban nhân dân phường 5 đối với phần đất diện tích 1.286m^2 đất thuộc thửa 181, tờ bản đồ số 6 tại khóm X, phường Y, thành phố B. Trong quá trình sử dụng đất thì Cụ H và ông Nguyễn Văn T (con của Cụ H, anh Bà K) phát sinh mâu thuẫn nên Cụ H đã làm đơn khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng đất với ông T tại Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu. Trong quá trình giải quyết vụ án thì Cụ H đã rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với diện tích đất 676,5m^2 đất thuộc thửa 181, tờ bản đồ số 6. Tòa án đã tuyên xử công nhận diện tích đất 557,10m^2 đất thuộc thửa 181, tờ bản đồ số 6 cùng căn nhà cấp 4 trên đất cho Cụ H. Sau khi Tòa án xét xử, cụ Phùng Thị H chết ngày 12/6/2020, khi chết chưa làm thủ tục đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nay bà Phùng Thị K yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Phùng Thị H để lại thành 02 phần cho các đồng thừa kế là bà Nguyễn Thị L và bà Phùng Thị K. Tài sản gồm: Diện tích đất 557,10m^2 thuộc thửa đất số 181 tờ bản đồ số 6 đất tọa lạc tại khóm X, phường Y, thành phố B. Do ông T đã vi phạm nghĩa vụ chăm sóc mẹ khi còn sống nên không chia thừa kế cho ông T. Đối với căn nhà gắn liền với đất của Cụ H là do bà đi làm gửi tiền về xây dựng cho mẹ khi còn sống, ngoài ra bà cũng không còn căn nhà nào khác nên bà yêu cầu được nhận hiện vật và đồng ý trả giá trị lại cho bà L nhưng bà yêu cầu xem xét công sức đóng góp của bà để xây dựng tôn tạo tài sản thừa kế.

** Theo các lời khai trong quá trình tố tụng bị đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:*

Bà thống nhất các ý kiến như Bà K trình bày và đồng ý yêu cầu chia thừa kế của Bà K, chia di sản của Cụ H thành 02 phần cho bà L và Bà K. Bà không đồng ý chia thừa kế cho ông T do ông T đã vi phạm nghĩa vụ chăm sóc mẹ khi còn sống, bà yêu cầu xem xét công sức đóng góp cho Bà K do căn nhà là di sản thừa kế của Cụ H là do Bà K đi làm gửi tiền về xây dựng.

Quá trình Tòa án thụ lý vụ án nhiều lần triệu tập ông Nguyễn Văn T, anh Trương Văn T2, chị Nguyễn Thị Bích T1, anh Nguyễn Văn H, bà La Thị M đến tham gia phiên tòa, phiên họp và yêu cầu ông T trình bày ý kiến nhưng các đương sự vắng mặt do đó không ghi nhận ý kiến được.

Tại phiên tòa:

Các đương sự có mặt ở phiên tòa giữ nguyên ý kiến đã trình bày, không bổ sung tại liệu chứng cứ không yêu cầu triệu tập người làm chứng và không yêu cầu đưa người tham gia tố tụng khác.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu phát biểu quan điểm về vụ án:*

- Về thủ tục tố tụng: Do di sản thừa kế là bất động sản tại địa bàn thành phố Bạc Liêu nên Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu giải quyết là đúng theo quy định. Về người tham gia tố tụng: Tòa án đã xác định người tham gia tố tụng đúng theo quy định pháp luật. Việc thu thập chứng cứ, lấy lời khai, của đương sự, việc cấp tống đạt các giấy tờ cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình. Anh Trương Văn T2, chị Nguyễn Thị Bích T1, anh Nguyễn Văn H, bà La Thị M, ông Nguyễn Văn T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định. Về mặt tố tụng Viện kiểm sát không có ý kiến gì thêm.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phùng Thị K, chia di sản thừa kế của cụ Phùng Thị H, tiếp tục giao di sản thừa kế là quyền sử dụng đất diện tích 557,10m^2 (trong đó, có 150m^2 đất thổ cư và 407,1m^2 đất vườn) thuộc thửa đất số 181, tờ bản đồ số 6 thành lập năm 1999 và căn nhà gắn liền với đất tọa lạc tại khóm X, phường Y, thành phố B cho Bà K được quyền sở hữu, sử dụng và Bà K có nghĩa vụ hoàn trả lại giá trị kỷ phần thừa kế cho ông T và bà L mỗi người là 79.398.566 đồng.

Ngoài ra, đề nghị buộc các đương sự phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu. Hội đồng xét xử nhận định nội dung vụ kiện như sau:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án*: Bà Phùng Thị K yêu cầu chia thừa kế tài sản của mẹ bà là cụ Phùng Thị H chết để lại. Bị đơn cư trú trên địa bàn thành phố Bạc Liêu và có phần đất tranh chấp tọa lạc trên địa bàn thành phố Bạc Liêu nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu theo quy định tại khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thời hiệu khởi kiện*: Cụ Phùng Thị H chết ngày 12/6/2020. Ngày 03/4/2023, Tòa án thụ lý yêu cầu của bà Phùng Thị K khởi kiện chia thừa kế di sản của Cụ H để lại. Do đó, yêu cầu chia thừa kế của nguyên đơn còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 623 Bộ luật dân sự.

[3] Về thủ tục tố tụng: Anh Trương Văn T2, chị Nguyễn Thị Bích T1, anh Nguyễn Văn H, bà La Thị M, ông Nguyễn Văn T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt các đương sự.

[4] *Về nội dung vụ án:*

[4.1] Về hàng thừa kế: Cụ Phùng Thị H (chết ngày 12/6/2020) có chồng là cụ Nguyễn Văn G (chết năm 1983). Cụ H và cụ G chung sống với nhau có 03 người con chung gồm: Ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị L và bà Phùng Thị K. Cụ H không còn người con riêng nào khác. Cha mẹ của Cụ H đã chết trước Cụ H nên hàng thừa kế của Cụ H gồm ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị L và bà Phùng Thị K.

[4.2] Về di sản thừa kế: Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 79/2019/DS-ST ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phùng Thị H đối với ông Nguyễn Văn T.

Công nhận quyền sử dụng đất có diện tích 557,10m^2 (trong đó, có 150m^2 đất thổ cư và 407,1m^2 vườn tạp) thuộc thửa đất số 181, tờ bản đồ số 6 thành lập năm 1999 đất tọa lạc tại khóm 7, phường 5, TP. Bạc Liêu cho bà Phùng Thị H…..

Bà Phùng Thị H được tiếp tục quản lý, sử dụng các tài sản trên diện tích đất nói trên.

Bà Phùng Thị H có quyền liên hệ đến cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

2. Đình chỉ yêu cầu của bà Phùng Thị H về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn T trả lại diện tích đất 676,5m^2 thuộc thửa đất 181, tờ bản đồ số 6 thành lập năm 1999 tọa lạc tại khóm 7, phường 5, TP. Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

Bản án dân sự sơ thẩm số 79/2019/DS-ST ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân TP. Bạc Liêu không bị kháng cáo, kháng nghị nên đến nay đã có hiệu lực pháp luật. Do đó, có căn cứ xác định diện tích đất 557,10m^2 (trong đó, có 150m^2 đất thổ cư và 407,1m^2 vườn tạp) thuộc thửa đất số 181, tờ bản đồ số 6 thành lập năm 1999 và căn nhà gắn liền với đất tọa lạc tại khóm X, phường Y, thành phố B là di sản thừa kế của cụ Phùng Thị H.

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án Bà K và bà L đều thống nhất yêu cầu chia di sản thừa kế của Cụ H chết để lại gồm quyền sử dụng diện tích 557,10m^2 (trong đó, có 150m^2 đất thổ cư và 407,1m^2 vườn tạp) thuộc thửa đất số 181, tờ bản đồ số 6 thành lập năm 1999 và căn nhà gắn liền với đất tọa lạc tại khóm X, phường Y, thành phố B thành 02 phần cho Bà K và bà L, không đồng ý chia thừa kế cho ông T do khi Cụ H còn sống vợ con ông T thường xuyên chửi bới và rượt đánh Cụ H và ông T biết nhưng vẫn để sự việc xảy ra mà không can ngăn và không thực hiện nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng mẹ.

Xét thấy, Bà K và bà L cho rằng ông T đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ nuôi dưỡng Cụ H được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 621 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và ông T đã được hưởng phần đất diện tích 676,5m^2 đất thuộc thửa 181, tờ bản đồ số 6 đất tọa lạc tại khóm X, phường Y, thành phố B nên không đồng ý chia thừa kế cho ông T nhưng Bà K và bà L không có chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình về việc ông T vi phạm nghĩa vụ chăm sóc Cụ H trước khi chết. Đồng thời, phần đất hiện nay gia đình ông T đang quản lý, sử dụng cũng chưa được cơ quan có thẩm quyền công nhận phần đất này cho ông T nên lời trình bày của Bà K và bà L là chưa đủ căn cứ chấp nhận. Như vậy, theo quy định tại Điều 651 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì những người thuộc hàng thừa kế theo pháp luật của Cụ H gồm bà Phùng Thị K, bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn T nên Bà K, bà L và ông T sẽ được quyền hưởng phần di sản thừa kế bằng nhau theo quy định pháp luật.

Tuy nhiên, Bà K và bà L đều thống nhất xác định căn nhà gắn liền với phần đất của Cụ H là do Bà K đi làm gửi tiền về xây dựng nên yêu cầu xem xét công sức đóng góp cho Bà K và Bà K yêu cầu được nhận hiện vật và hoàn trả lại giá trị do hiện nay Bà K không còn nơi ở nào khác. Đối với ông T thì trong quá trình giải quyết vụ án ông T không hợp tác nên không có kiến trình bày. Bà K là người có công sức đóng góp trong việc xây dựng căn nhà của Cụ H và khi Cụ H còn sống thì Bà K là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng Cụ H và hiện nay Bà K là người đang trực tiếp quản lý, sử dụng di sản và thờ cúng Cụ H nên xét cho Bà K thêm 1 kỷ phần thừa kế từ di sản của Cụ H chết để lại là phù hợp.

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 26/4/2023 và biên bản định giá ngày 08/5/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu thì di sản thừa kế gồm:

+ Quyền sử dụng diện tích557,10m^2 (trong đó, có 150m^2 đất thổ cư và 407,1m^2 vườn tạp) có giá trị là (150m^2 đất ở x 1.000.000 đồng/m^2) + (407,1m^2 đất vườn x 250.000 đồng/m^2) = 251.775.000 đồng;

+ 01 căn nhà loại IV.2.C.3 có kết cấu tường quét vôi không trần, mái lợp tole, nên láng ciment, cột bê tông cốt thép, đòn tây gỗ diện tích 40,28m^2, tỷ lệ còn lại 40%, cógiá trị là (40,28m^2 x 3.527.111 đồng/m^2) x 40% = 56.828.812 đồng;

+ Sân phía trước nhà diện tích 31,54m^2 láng ciment tỷ lệ còn lại 40%.Giá trị: (31,54m^2 x 222.932 đồng/m^2) x 40% = 2.812.510 đồng.

+ Sân nền lót gạch tàu diện tích 10m^2 tỷ lệ còn lại 40%.Giá trị: (10m^2 x 437.039 đồng/m^2) x 40% = 1.748.156 đồng.

+ Nhà vệ sinh rời nhà xây tường diện tích 3m^2, tỷ lệ còn lại 40%. 10.661.299 đồng/cái x 40% = 4.264.520 đồng.

+ Bàn ông thiên xây gạch phía trước nhà, tỷ lệ còn lại 40%. 413.155 đồng/cái x 40% = 165.262 đồng.

Tổng giá trị di sản thừa kế là 317.594.266 đồng, như vậy 1 kỷ phần thừa kế có giá trị tương đương là 317.594.266 đồng/4 phần = 79.398.566 đồng.

Bà K là người đang trực tiếp quản lý di sản và ngoài căn nhà này ra thì Bà K không còn nơi ở nào khác; Bà K, bà L đều thống nhất giao di sản thừa kế cho Bà K tiếp tục quản lý, sử dụng nên tiếp tục giao di sản thừa kế là quyền sử dụng diện tích 557,10m^2 (trong đó, có 150m^2 đất thổ cư và đất 407,1m^2 vườn tạp) thuộc thửa đất số 181, tờ bản đồ số 6 thành lập năm 1999 và căn nhà gắn liền với đất tọa lạc tại khóm X, phường Y, thành phố B cho Bà K được quyền sở hữu và Bà K có nghĩa vụ hoàn trả lại giá trị kỷ phần thừa kế cho ông T và bà L mỗi người là 79.398.566 đồng.

[5] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tổng cộng là 1.500.000 đồng. Do yêu cầu chia thừa kế của Bà K được chấp nhận, Bà K được Hưởng di sản thừa kế là 2/4 kỷ phần nên Bà K phải nộp 750.000 đồng, bà L, ông T mỗi người được hưởng 1/4 di sản thừa kế nên phải chịu một phần chi phí là 375.000 đồng. Bà K đã dự nộp 1.500.000 đồng nên buộc bà L, ông T có trách nhiệm hoàn lại cho Bà K số tiền là 375.000 đồng.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Đối với bà L, ông T mỗi người được nhận số tiền 79.398.566 đồng nên phải chịu án phí: 79.398.566 đồng x 5% = 3.969.928 đồng.

Bà K được nhận 02 kỷ phần thừa kế của Cụ H là 158.797.132 đồng phải chịu án phí là: 7.939.857 đồng. Bà Phùng Thị K đã dự nộp tạm ứng án phí 750.000 đồng được đối trừ, Bà K còn phải nộp tiếp 7.189.857 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, c khoản 1 Điều 39; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng khoản 3 Điều 254; Điều 615; Điều 616; khoản 1 Điều 623; điểm a khoản 1 Điều 650; điểm a khoản 1 Điều 651, khoản 2 Điều 660 của Bộ luật Dân sự 2015;

- Áp dụng khoản 6 Điều 26, khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phùng Thị K về việc chia di sản thừa kế của cụ Phùng Thị H chết để lại.

1.1. Giao cho bà Phùng Thị K phần đất tranh chấp có diện tích 557,10m^2 thuộc thửa đất số 181, tờ bản đồ 06, thành lập năm 1999 đất tọa lạc tại khóm X, phường Y, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. Phần đất có tứ cạnh và số đo như sau:

Hướng Đông giáp với thửa đất số 167, đất của bà Nguyễn Thị Hồng Tuyết có số đo 12,32m.

Hướng Tây giáp với đường bê tông rộng 2,0m có số đo 11,03m

Hướng Nam giáp với phần đất ông Nguyễn Văn T đang quản lý sử dụng có số đo 42,81m + 0,9m + 5,28m.

Hướng Bắc giáp với thửa đất số 166, phần đất của ông Ngụy Hồng Phúc có số đo 47,49m.

1.2. Giao căn nhà loại IV2C3, có cấu trúc tường quét vôi không trần, mái lợp tole pribrociment, nền láng ciment, cột bêtông cốt thép, đòn tay gỗ có diện tích 40,28m^2, phía trước có một sân láng ciment có diện tích 31,54m^2, phía sau có một sân nền lót gạch tàu và 01 nhà vệ sinh, mái hiên lợp tole thiếc, đòn tay gỗ, phía trước sân có 01 bàn ông Thiên cho bà Phùng Thị K được quyền sở hữu.

1.3. Bà Phùng Thị K được quyền liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền kê khai đăng ký để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất đối với diện tích đất và căn nhà gắn liền có định vị, số đo, hiện trạng kết cấu nêu trên.

2. Buộc bà Phùng Thị K có trách nhiệm thanh toán cho bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn T mỗi người số tiền là 79.398.566 đồng.

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tổng cộng là 1.500.000 đồng, Bà K phải nộp 750.000 đồng, bà L, ông T phải nộp 375.000 đồng. Bà K đã dự nộp 1.500.000 đồng và chi hết, nên buộc bà L, ông T mỗi người có trách nhiệm hoàn lại cho Bà K số tiền là 375.000 đồng.

4. Về án phí:

Buộc bà Phùng Thị K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 7.939.857 đồng. Bà Phùng Thị K đã dự nộp tạm ứng án phí 750.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0008540 ngày 29/3/2023 của chi cục thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu được đối trừ, Bà K còn phải nộp tiếp 7.189.857 đồng.

Buộc bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn T mỗi người phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 3.969.928 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền trên, hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả thêm tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bạc Liêu;
-VKSND thành Tp. Bạc Liêu;
-CCTHADS Tp. Bạc Liêu;
-Đương sự;
-Lưu:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lâm Thị Tuyết Anh